

1. Những từ ngữ nào chỉ đặc điểm?

A lêu nghêu

C hỏi thăm

B thon thả

D cẩn thận

2. Những từ ngữ nào chỉ đặc điểm?

A mượt mà, khuôn mặt, đen láy, mái tóc

B mềm mại, bầu bĩnh, sáng, vàng trăn

C trắng hồng, đen láy, cao dong dỏng, xinh xắn

D đôi mắt, nhỏ nhắn, tươi cười, chậm chạp

3. Câu nào sau đây là câu nêu đặc điểm?

A Đôi mắt đen láy.

B Minh đang tập đàn.

C Minh và Huy là đôi bạn thân.

4. Nối.

Mái tóc

bầu bĩnh.

Khuôn mặt

nhỏ nhắn.

Dáng người

đen nhánh.

5. Sắp xếp

Từ chỉ đặc điểm

Từ chỉ hoạt động

xanh mướt

quét

thông minh

rực rỡ

học

giúp đỡ

vội vã

háo hức

bê vác

6. Kéo thả từ ngữ thích hợp vào chỗ trống.

Nam nặng cân nhất lớp. Trông cậu rất _____ . Hoa thì ngược lại, nhỏ bé và _____ . Còn Bình có dáng người _____ .

cao dong dong

mập mạp

nhanch nhẹn

7. Sắp xếp các từ ngữ để tạo thành câu nêu đặc điểm.

dáng người

rất đáng yêu.

có

Hoa

nhỏ nhắn

